

**BÁO CÁO**

V/v Nguyên nhân giảm trên 10% lợi nhuận sau thuế Quý III/2019 so Quý III/2018

Kính gửi:

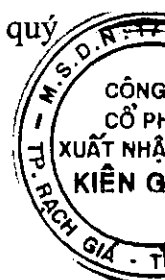
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ mục a khoản 4 Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang báo cáo kết quả kinh doanh quý III/2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Quý III/2019	Quý III/2018	So sánh Quý III/2019 so Quý III/2018	
					Tỷ lệ (%)	Giá trị
1	Sản lượng tiêu thụ					
1.1	Gạo	tấn	93.205,14	86.456,76	107,81	6.748,39
a	Xuất khẩu	tấn	56.373,52	66.855,94	84,32	(10.482,42)
	+ Thành phẩm	tấn	56.373,52	66.855,94	84,32	(10.482,42)
b	Nội địa	tấn	36.831,62	19.600,82	187,91	17.230,81
	+ Thành phẩm	tấn	34.353,08	17.963,76	191,24	16.389,32
	+ Phụ phẩm	tấn	2.478,54	1.637,05	151,40	841,49
1.2	Xăng dầu	m3	5.606,38	6.496,49	86,30	(890,11)
1.3	Cá cơm các loại	tấn	83,49	121,19	68,89	(37,70)
	+ Xuất khẩu	tấn	66,10	69,67	94,88	(3,57)
	+ Nội địa	tấn	17,39	51,52	33,75	(34,13)
2	Doanh thu thuần	tr.đ	998.331	1.153.884	86,52	(155.552)
3	Giá vốn hàng bán	"	937.105	1.057.491	88,62	(120.386)
4	Lãi gộp	"	61.226	96.393	63,52	(35.166)
5	DT hoạt động TC	"	3.325	942	352,97	2.383
6	CP tài chính, trong đó:	"	9.180	20.489	44,80	(11.309)
	- CP lãi vay	"	8.024	9.334	85,96	(1.311)
	+ Đơn giá CP ngành Lương thực	đ/kg	91,62	195,45	46,88	(104)
7	CP bán hàng, trong đó:	tr.đ	50.630	68.002	74,45	(17.372)
	+ Đơn giá CP ngành Lương thực	đ/kg	434,04	546,65	79,40	(113)
8	CP Quản lý, trong đó:	tr.đ	4.692	7.958	58,96	(3.266)
	+ Đơn giá CP ngành Lương thực	đ/kg	34,66	56,46	61,39	(22)
9	LN thuần từ HĐKD	tr.đ	50	885	5,59	(836)
10	Thu nhập khác	"	261	2.645	9,86	(2.384)
11	Chi phí khác	"	27	424	6,43	(397)
12	Lợi nhuận khác	"	234	2.221	10,52	(1.987)
13	Tổng LN trước thuế	"	283	3.106	9,12	(2.823)
14	Chi phí thuế TNDN	"	57	621	9,12	(565)
15	LN sau thuế TNDN	"	227	2.485	9,12	(2.258)

**Thuyết minh:** Đánh giá chung: Lợi nhuận sau thuế quý III/2019 lãi 0,227 tỷ đồng, giảm 90,88% so quý III/2018 (mức giảm 2,258 tỷ đồng). Nguyên nhân lợi nhuận quý III/2019 giảm so cùng kỳ chủ yếu do:



1) Sản lượng gạo tiêu thụ Quý III/2019 là 93.205,14 tấn, tăng 7,81% (mức tăng 6.748,39 tấn gạo) so Quý III/2018, trong đó sản lượng gạo xuất khẩu là 56.373,52 tấn các loại, giảm 15,68% so cùng kỳ (mức giảm 10.482,42 tấn) và giảm so kế hoạch bán ra quý 3/2019 là 26,82% tương đương mức giảm 20.668 tấn, do khách hàng dời thời gian nhận hàng sang tháng 10/2019, trong khi tỷ trọng lợi nhuận của Công ty chủ yếu từ gạo xuất khẩu là chủ yếu.

2) Công tác quản lý chi phí sản xuất kinh doanh của công ty trong quý III/2019 được kiểm soát tốt hơn, cụ thể: tổng đơn giá chi phí sản xuất kinh doanh của ngành lương thực thực hiện quý III/2019 là 560,32 đ/kg, giảm 29,83% tương đương mức giảm 238,25 đ/kg so cùng kỳ. Trong đó: đơn giá chi phí bán hàng thực hiện quý III/2019 là 434,04 đ/kg, giảm 112,60 đ/kg so cùng kỳ; đơn giá chi phí quản lý thực hiện là 34,66 đ/kg, giảm 21,8 đ/kg so cùng kỳ; đơn giá chi phí tài chính thực hiện là 91,62 đ/kg, giảm 103,84 đ/kg so cùng kỳ.

Trên đây là báo cáo nguyên nhân giảm trên 10% lợi nhuận sau thuế Quý III/2019 so Quý III/2018 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



*Dương Thị Thanh Nguyệt*